

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CÔN ĐẢO**

Số: 42/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Côn Đảo, ngày 28 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO
KHÓA XI, KỲ HỌP THƯỜNG LỆ CUỐI NĂM 2020**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021.

Xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2020 và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2021; các báo cáo thẩm tra của hai Ban Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả và tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của huyện Côn Đảo năm 2020 như Báo cáo số 369/BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện trình Kỳ họp.

Điều 2. Thống nhất thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2021, với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu

a) Các chỉ tiêu về kinh tế:

- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá hiện hành): 204,85 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất nông nghiệp (theo giá hiện hành): 47,70 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất ngư nghiệp (theo giá hiện hành): 67,96 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu thương mại - dịch vụ: 2.583,55 tỷ đồng, gồm doanh thu thương mại 922 tỷ đồng; doanh thu dịch vụ 1.661,55 tỷ đồng (trong đó chủ đạo doanh thu dịch vụ du lịch với 1.294,19 tỷ đồng).

- Lượng khách du lịch đến Côn Đảo: 345.000 lượt khách.
- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2021 ước thực hiện 436,278 tỷ đồng, trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp là 415,985 tỷ đồng.

Dự kiến thu NSNN trên địa bàn năm 2021: 74,300 tỷ đồng, trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 54,007 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2021 ước thực hiện 500,794 tỷ đồng.

b) Các chỉ tiêu văn hoá - xã hội:

- Tạo việc làm tăng thêm cho 150 lao động;
- 94% tỷ lệ gia đình văn hóa; 95% cơ quan văn hóa; 100% Khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa;
- Tỷ lệ các cháu đi nhà trẻ từ 75%; mẫu giáo đạt 95%, trong đó, trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi suy dinh dưỡng dưới 5%. Tỷ lệ học sinh nhập học: tiểu học trên 98%, trong đó trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; trung học cơ sở trên 95%, trong đó 100% học sinh hoàn thành tiểu học vào lớp 6; trung học phổ thông trên 90%.

c) Các chỉ tiêu về môi trường:

- Duy trì độ che phủ của cây rừng và cây trồng lâu năm đạt 90%.
- Bảo đảm 100% hộ gia đình được sử dụng điện và nước hợp vệ sinh.
- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 98 - 100%.
- 100% cơ sở du lịch, cơ sở sản xuất xây dựng mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm đạt tiêu chuẩn môi trường.
- Có hệ thống thu gom và xử lý rác thải, nước thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(Biểu mẫu kèm theo Nghị quyết này)

2. Về các giải pháp chủ yếu: Thống nhất với các giải pháp Ủy ban nhân dân huyện nêu tại Báo cáo số 369/BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo tổ chức thực hiện Nghị quyết này và nghiên cứu tiếp thu các ý kiến của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện tại Báo cáo số 21/BC-BKTXH ngày 19 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo số 20/BC-BPC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân huyện.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

- Hội đồng nhân dân huyện đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên tiếp tục làm tốt vai trò giám sát và vận động nhân dân tích cực tham gia cùng chính quyền thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2021.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo Khóa XI, Kỳ họp thường lệ cuối năm 2020 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- TTr: HĐND, UBND tỉnh BR-VT (b/c);
- TTr: Huyện uỷ,
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, 9 khu dân cư;
- Đăng trên Cổng TTĐT HĐND huyện;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

Phan Thanh Biên



KẾ HOẠCH NĂM 2021 MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 42 /NQ-HĐND ngày 18 /12/2020 của UBND huyện Côn Đảo

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2020	K.H 2021 Tỉnh giao	K.H 2021 Huyện
I. DÂN SỐ				
- Dân số trung bình	Người	10,765		11,000
- Tỷ lệ tăng tự nhiên	%o	9	11.80	11.80
- Mức giảm sinh	%o			
II. CÁC NGÀNH KINH TẾ				
1. Công nghiệp				
- Giá trị sản xuất (theo giá so sánh)	Tỷ đồng			
- Giá trị sản xuất (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	198.78		204.85
* Sản phẩm chủ yếu				
+ Điện sản xuất	1000kwh	29,905		31,192
+ Điện thương phẩm	1000kwh	28,260		29,128
+ Nước máy thương phẩm	1000m3	1052.33		1048.60
+ Nước đá	1000 tấn	81.00		82.00
2. Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	2,457.97		2,583.55
- Doanh thu thương mại	Tỷ đồng	888.61		922.00
- Doanh thu Dịch vụ	Tỷ đồng	1,569.36		1,661.55
Trong đó: - Dịch vụ Du lịch	Tỷ đồng	1,214.17		1,294.190
+ Tổng lượt khách	Lượt khách	323,280		345,000
Trong đó: khách quốc tế	lượt khách	14,000		
- Dịch vụ Vận tải	Tỷ đồng	83.36		85.61
+ Tổng lượt khách (đường biển)	Lượt khách	153,085		254,838
- Bru chính viễn thông	Tỷ đồng	40.51		42.33
- Dịch vụ khác	Tỷ đồng	231.32		239.42
3. Nông - Lâm - Ngư nghiệp				
3.1. Nông nghiệp				
- Giá trị sản xuất (theo giá so sánh)	Tỷ đồng			
- Giá trị sản xuất (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	46.93		47.70
* Sản phẩm chủ yếu				
- Tổng đàn trâu bò	Con	300		200
- Tổng đàn heo	Con	1200		1,500
- Tổng đàn gia cầm	Con	2500		6,000
- Sản lượng thịt các loại	Tấn	1,020		1,000
3.2. Ngư nghiệp				
Giá trị sản xuất				
- Giá trị sản xuất (theo giá so sánh)	Tỷ đồng			
- Giá trị sản xuất (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	63.75		67.96
- Sản lượng khai thác	Tấn	842.00		833.00
- Sản lượng nuôi trồng	Tấn	58.16		59.95
III. CHỈ TIÊU XÃ HỘI				



1. Giáo dục đào tạo				
- Số học sinh mầm non	Cháu	941		1020
+ Số cháu đi nhà trẻ	Cháu	316		385
Tỷ lệ huy động các cháu vào nhà trẻ	%	68.36	75.05	75.05
+ Số cháu đi mẫu giáo	Cháu	625		635
Tỷ lệ huy động các cháu vào mẫu giáo	%	97.35	95.06	95.06
- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi	%	3.21		5.00
- Số học sinh phổ thông	Học sinh	1,809		1947
+ Tiểu học	Học sinh	980		1062
+ Trung học cơ sở	Học sinh	551		565
+ Trung học Phổ thông	Học sinh	278		320
+ Số học sinh phổ thông trên một vạn dân	Học sinh	1,680		
2. Y tế - KHHGD				
- Hiện máu nhân đạo	Đơn vị			
- Tỷ lệ trẻ em tiêm đủ 6 mũi kháng nguyên	%	100		100
- Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm VAT2	%	100		100
3. Lao động và xã hội				
- Số lao động được giải quyết việc làm tăng thêm	Người	294	150	150
4. VHTT - TDTT				
- Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt tiêu chuẩn	%	94		94